TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH H□NG YÊN** ---***--- Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Khoái Châu, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1978**

HKTT, trú tại: thôn V, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1984**

Quê quán: xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên

HKTT, trú tại: thôn V, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/5/2003
- Cháu Nguyễn Huy D, sinh ngày 23/9/2004

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B (bố, mẹ đẻ các cháu).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;*

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 28/12/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/5/2003 và cháu Nguyễn Huy D, sinh ngày 23/9/2004 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày

28/12/2020 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh A đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0002467 ngày 30/11/2020, anh A được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Dạ Trạch;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TRĨNH